

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST

Ngày: 16 - 5 - 2023

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Phong và bà Ngô Thị Út Hậu.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Dũng – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Trần Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Tấn L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu vực 13, phường C, quận O, TP. C

Đại diện theo ủy quyền của ông L: Chị Trương Thùy T, sinh năm 1996 và anh Trần Văn A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 116A T, phường H quận N, TP. C.

(Văn bản ủy quyền ngày 11/02/2022).

(Có mặt).

Bị đơn:

Ông Lê Thanh S, sinh năm 1952;

Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1958;

Ông Lê Thanh T, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: 868 KV5, phường C, quận O, TP. C

(Các bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị P, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ với ông L: Khu vực 13, phường C, quận O, TP. C

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Tấn L trình bày:

Thông qua quen biết, lợi dụng lòng tin, trong khoảng thời gian từ năm 2017 - 2018 gia đình ông Lê Thanh S, bà Nguyễn Thị Kim T (vợ ông S) và ông Lê Thanh T (Con ông S) đã nhiều lần vay mượn nợ của gia đình ông L với số tiền 151.000.000 đồng, vì tin tưởng nên không có làm hợp đồng, không có tính lãi và không quy định thời hạn trả nợ. Đến cuối năm 2018, do cần dùng đến số tiền nêu trên, ông L yêu cầu ông S, bà T và ông Thảo trả nợ, nhưng ông S, bà T, ông Thảo chỉ hứa hẹn, sau đó phủ nhận toàn bộ số nợ. Nên, ngày 17/12/2021, ông Lê Tấn L có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh S, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Lê Thanh T phải liên đới trả số tiền đã vay là 151.000.000 đồng và tiền lãi 44.754.703 đồng. Tổng số tiền là 195.754.703 đồng. Tuy nhiên, ông L có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và cho rằng người cho vay số tiền 95.000.000 đồng trong tổng số nợ 151.000.000 đồng mà ông L yêu cầu các bị đơn phải trả là bà Trần Thị P (vợ ông L) đứng ra cho vay chứ không phải ông L cho vay. Đối với số tiền còn lại là 56.000.000 đồng, năm 2017, ông L có nhờ bị đơn Lê Thanh S đi lại để nhờ làm dịch vụ pháp lý giám đốc thẩm bản án tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong vụ án tranh chấp giữa ông L và em ông L. Quá trình thực hiện, ông S đã nhận của ông L số tiền 66.000.000 đồng để làm chi phí lo vụ kiện giám đốc thẩm và có hứa không thành công sẽ trả lại cho ông L. Tuy nhiên, qua thời gian dài không có kết quả, ông L đã yêu cầu ông S trả lại số tiền nêu trên, ông S đã trả lại được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 56.000.000 đồng. Vào ngày 14/4/2021 tại Công an phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ, ông S có cam kết trả lại cho ông L số tiền 56.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay ông S không thực hiện việc trả lại số tiền theo như thỏa thuận. Do đó, ông L chỉ yêu cầu ông S phải trả lại số tiền 56.000.000 đồng đã nhận. Đối với yêu cầu tính lãi, ông L thay đổi yêu cầu buộc ông S phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật (10%/năm) đối với số tiền 56.000.000 đồng tính từ ngày 21/4/2021 đến khi xét xử là 11.542.000 đồng (Tròn số). Đối với số tiền 95.000.000 đồng, ông L rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông S, ông Thảo và bà T. Bà P (vợ ông L) sẽ có yêu cầu khởi kiện thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

Tại bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Thanh S trình bày:

Vào năm 2017, ông Lê Tấn L có nhờ ông Lê Thanh S đi trực tiếp đến Toà án nhân dân Cấp cao để thực hiện dịch vụ pháp lý giám đốc thẩm bản án tại Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh với điều kiện toàn bộ chi phí tàu xe, ăn uống ông L phải trả cho ông S, ngoài ra ông L còn phải trả công cho ông S mỗi lần đi là 200.000 đồng. Ông L có đưa cho ông S 03 lần tiền gồm lần 01: 20.000.000 đồng và 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng để ông S đưa cho người làm dịch vụ. Ông S thừa nhận, ông vẫn còn nợ ông L số tiền 56.000.000 đồng là số tiền ông L nhờ ông S đi lại làm thủ tục giám đốc thẩm bản án tại Toà án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông S đồng ý trả lại cho ông L số tiền 56.000.000 đồng, nhưng không đồng ý trả lãi chậm trả theo yêu cầu của ông L. Đối với số tiền nợ 95.000.000 đồng theo yêu cầu của ông L thì ông S không có nghĩa vụ trả nợ và hoàn toàn không biết bà T và ông Thảo có mượn nợ hay không?

Tại bản tự khai ngày 19/5/2022, bị đơn Lê Thanh T trình bày:

Giữa ông Lê Thanh T và ông Lê Tấn L hoàn toàn không có giao dịch, ông Thảo không biết mặt ông L, bất cứ lý do gì ông L đưa ra để khởi kiện ông Thảo đều là nguy tạo, nên đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của ông L, đồng Thời ông Thảo có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2022, bị đơn Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Giữa bà T và ông L, trước năm 2017 hoàn toàn không quen biết, đến năm 2017, thì vợ chồng ông L có đến nhà bà T gặp ông Lê Thanh S (chồng bà T) để nhờ ông S giúp lấy lại tiền, nhờ viết đơn tạm hoãn thi hành án và đi gửi đơn giám đốc thẩm bản án tại Toà án cấp cao. Ngoài ra giữa bà T và ông L không có tiếp xúc. Trong thời gian này, thì ông Lê Thanh T là con của bà T và ông S có hỏi vay tiền ông L, nghe vợ ông L nói là nhà không có tiền nhưng nếu cần thì sẽ vay dùm, nhưng bà T không biết ông Thảo có vay tiền hay không? Số tiền cụ thể như thế nào thì bà hoàn toàn không biết. Do đó, bà T đề nghị Toà án bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông L, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt đối với bà.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P trình bày:

Vào năm 2017, chồng của bà là ông Lê Tấn L có nhờ đi lại ông Lê Thanh S để nhờ thực hiện dịch vụ pháp lý giám đốc thẩm vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất tại Toà án nhân dân cấp cao. Trong quá trình thực hiện ông S đã lấy tổng cộng 66.000.000 đồng là chi phí lo vụ kiện và có hứa nếu không thành công sẽ trả tiền lại. Tuy nhiên, qua thời gian dài không có kết quả, nên ông L yêu cầu ông S hoàn trả lại số tiền đã nhận. Sau nhiều lần hứa hẹn ông S đã trả được 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 56.000.000 đồng ông S chưa trả. Bà P hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông L, bà không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hồ sơ giao cho Viện kiểm sát nghiên cứu

đúng thời gian quy định. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn L về việc yêu cầu ông Lê Thanh S trả số tiền nợ 56.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/4/2021 đến nay 16/5/2023 là 11.542.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông L đối với yêu cầu của ông L buộc ông S, bà T, ông Thảo trả số tiền 95.000.000 đồng.

Miễn án phí cho ông Nguyễn Thanh S do ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật các bên tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của các đương sự là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Do các bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn quận Ô Môn, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông S, bà T và ông Thảo theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào năm 2017, ông Lê Hữu L có nhờ ông Lê Thanh S đi lại để làm dịch vụ pháp lý thủ tục giám đốc thẩm bản án tại Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền ông S đã nhận của ông L là 66.000.000 đồng, ông S đã trả lại cho ông L được 10.000.000 đồng. Tại Tờ thoả thuận được lập ngày 14/4/2021, được lập tại Công an phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn ông S có thoả thuận trả lại cho ông L số tiền 56.000.000 đồng. Nay, ông S cũng thừa nhận vẫn còn nợ ông L số tiền 56.000.000 đồng. Do đó, ông L yêu cầu ông S trả số tiền 56.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả của ông L đối với số tiền 56.000.000 đồng, tại Tờ thoả thuận ngày 14/4/2021, giữa ông L và ông S có thoả thuận đến ngày 20/4/2022 thì ông S phải trả đủ tiền, nếu ông S không trả đủ thì trả 10.000.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng, nhưng ông S không thực hiện. Nên xác định thời hạn ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán được tính từ ngày 21/4/2021 đến nay (16/5/2023) là có cơ sở. Do đó, ông S phải có nghĩa vụ trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 0.83%/tháng x 24 tháng 25 ngày x 56.000.000 đồng = 11.542.000 đồng (tròn số).

Do đó, tổng số tiền ông S phải trả cho ông L là 67.542.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông L buộc ông S, bà T, ông Thảo phải trả 95.000.000 đồng, ông L cho rằng vợ ông là bà P là người trực tiếp cho mượn, bà P chưa có yêu cầu khởi kiện, nên ông L rút lại đối với yêu cầu này, nên đình chỉ là phù hợp.

[4] Về án phí: Do ông S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông L là người cao tuổi, có đơn xin miễn, nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 166, Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu L đối với ông Lê Thanh S.

Buộc ông Lê Thanh S phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Tấn L số tiền nợ 67.542.000 đồng (gốc 56.000.000 đồng, nợ lãi 11.542.000 đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn L đối với ông Lê Thanh S, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Thanh Thảo đối với số tiền 95.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Ông Lê Thanh S được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Ông Lê Tấn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Ông Lê Thanh S, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND quận Ô Môn;
- Chi cục THADS quận Ô Môn ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

Phạm Quốc Kiệt